CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cảng Đồng Nai

Ngày 31/12/2024	105,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**0.1%**	**-9.1%**

DT thuần
Q4/24
369
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.0| 10.9%
YoY: ▲ 34.0| 10.2%

LN thuần
Q4/24
111
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 6.3%

LN sau thuế
Q4/24
86.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20| -3.5%
YoY: ▲ 6.40| 8.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
33.0%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE
2024
31.0%
YoY: +/-▼ 1.2%

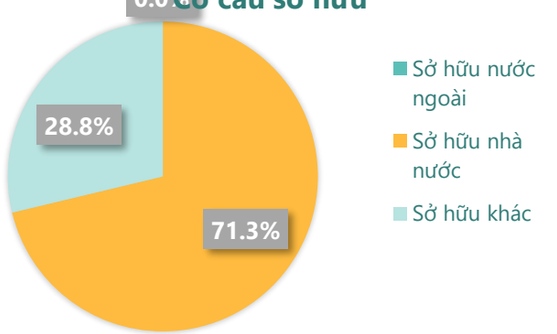
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	90,609 - 120,388
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,890
Số lượng CPLH (CP)	37,043,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	9,377
P/E	11.2

DT thuần
2024
1,337
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 170| 14.6%

LN thuần
2024
433
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.0| 17.3%

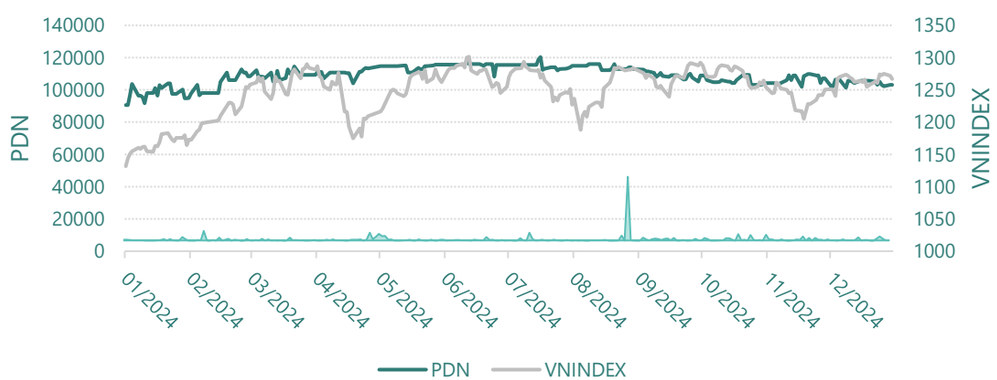
LN sau thuế
2024
347
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.0| 17.9%

Cơ cấu sở hữu

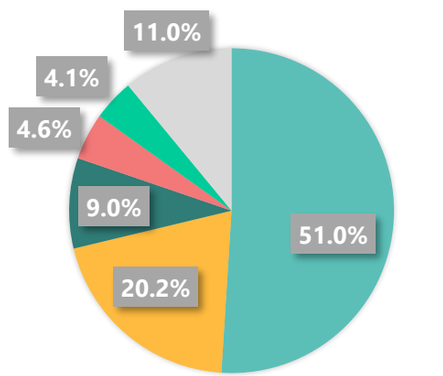


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

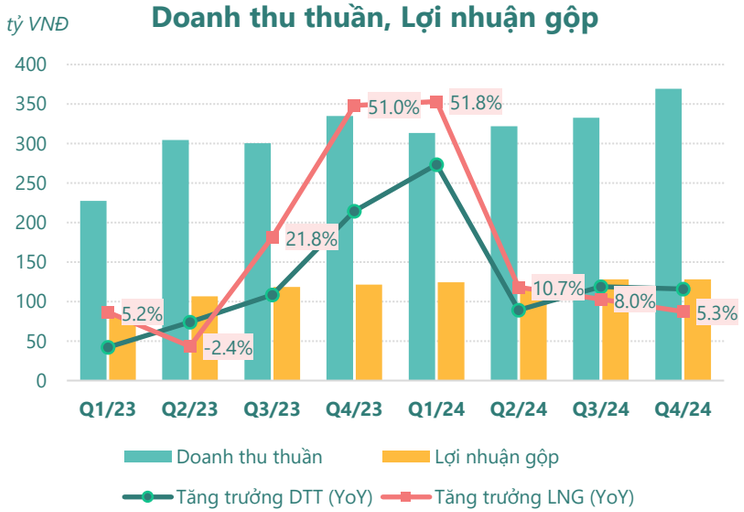




(Nguồn: fireant.vn)

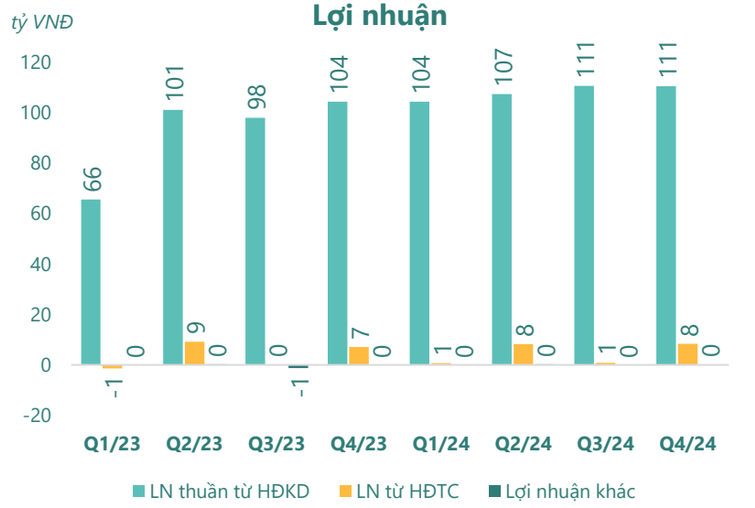
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



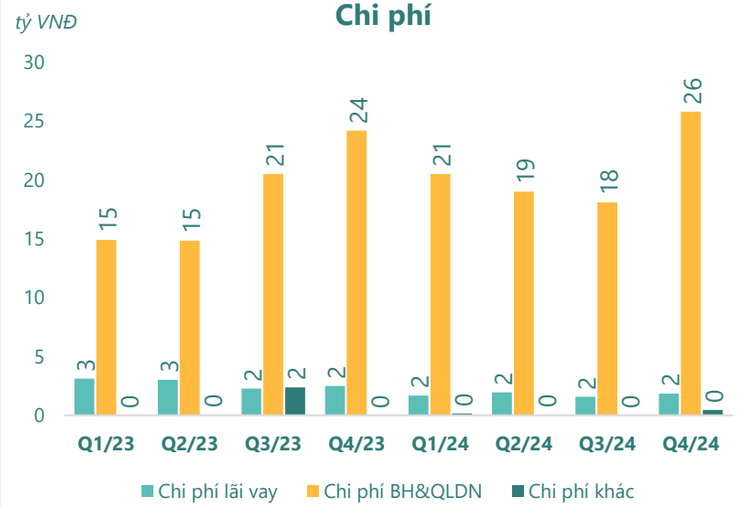
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



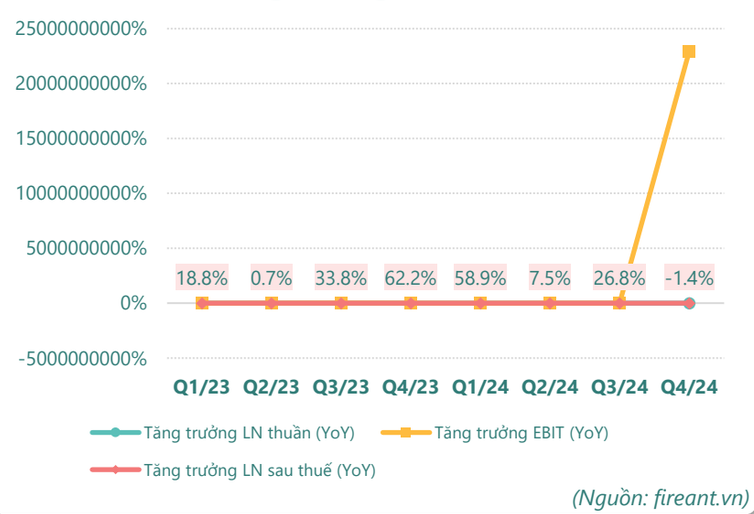
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



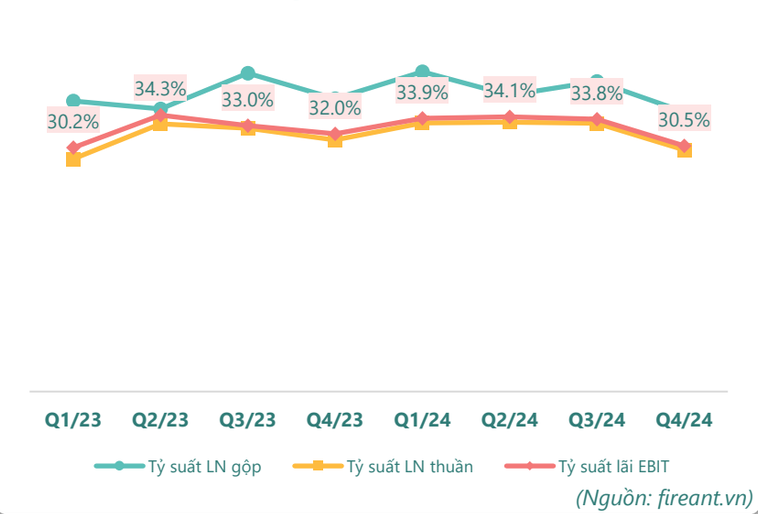
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



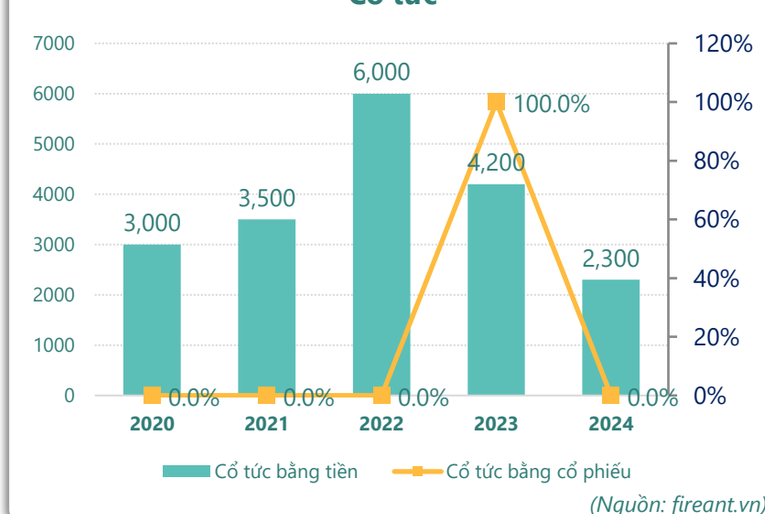
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

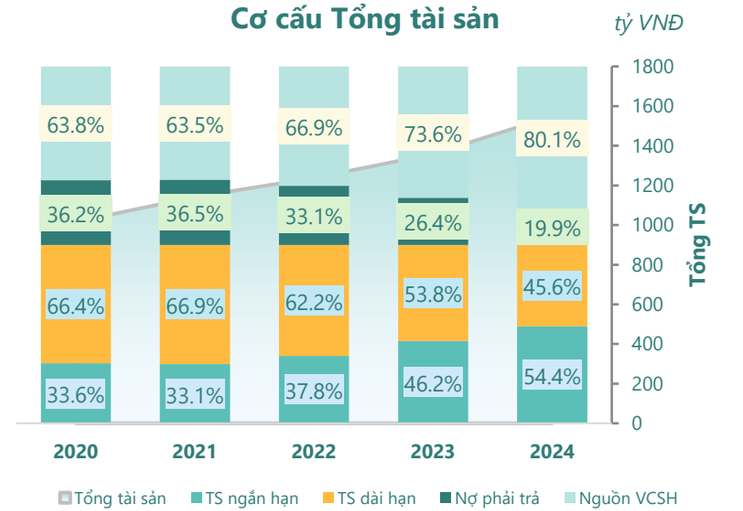
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

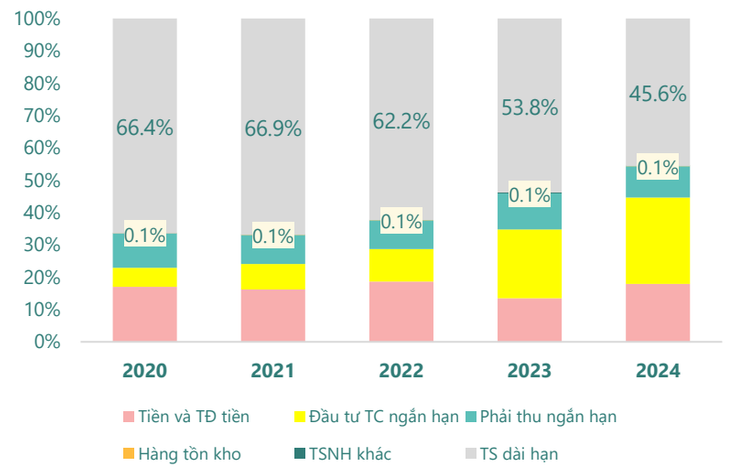
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



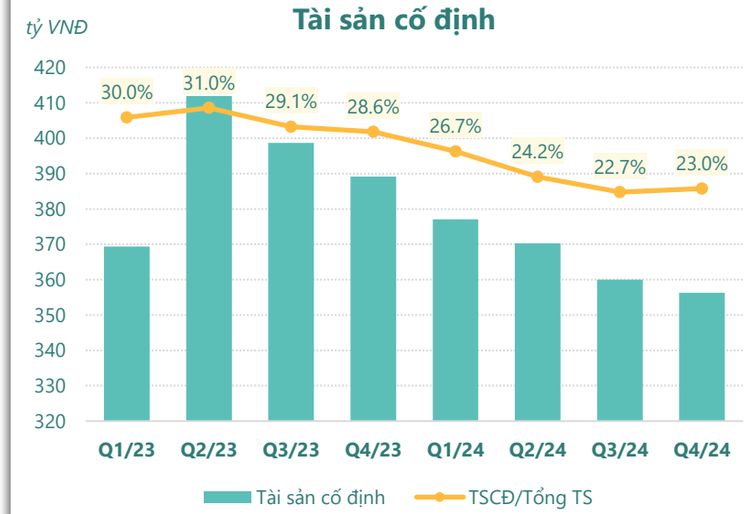
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



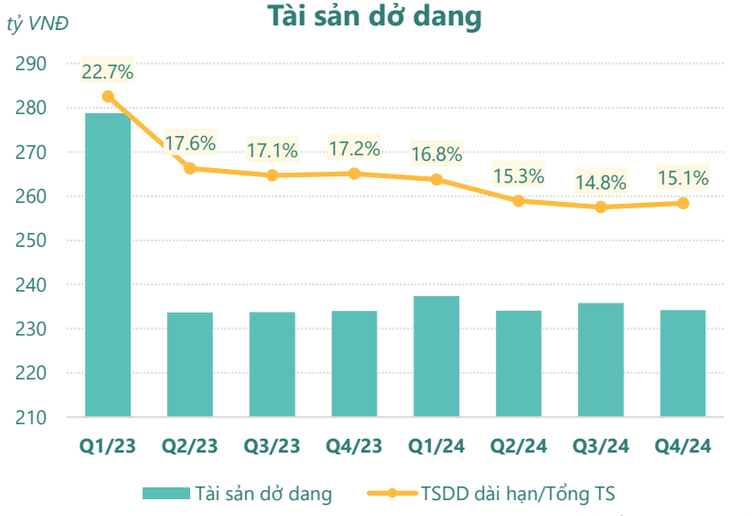
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



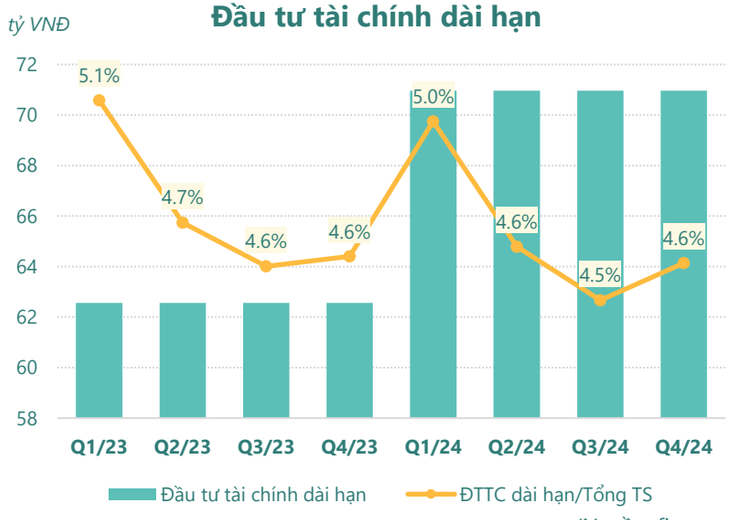
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



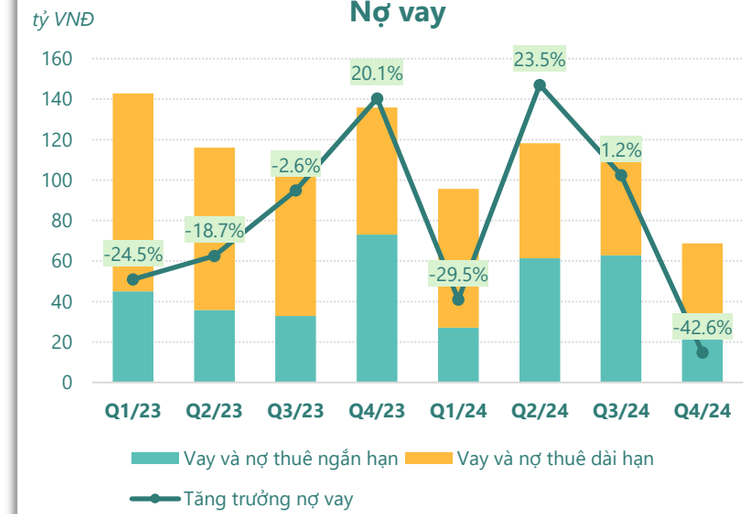
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

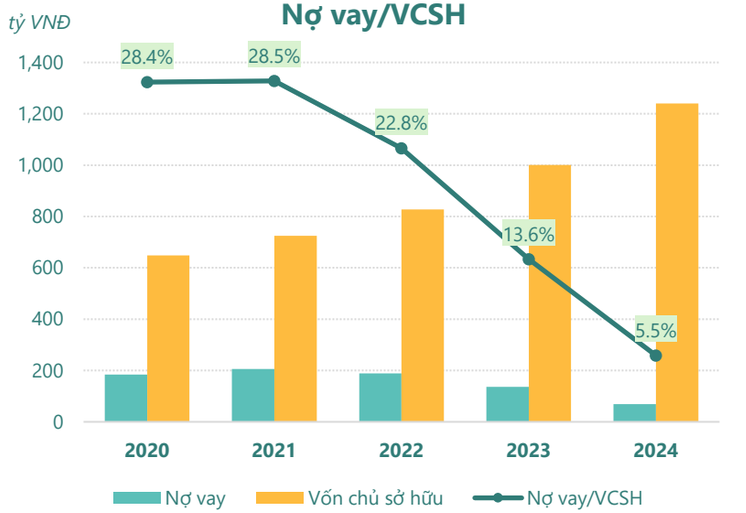
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

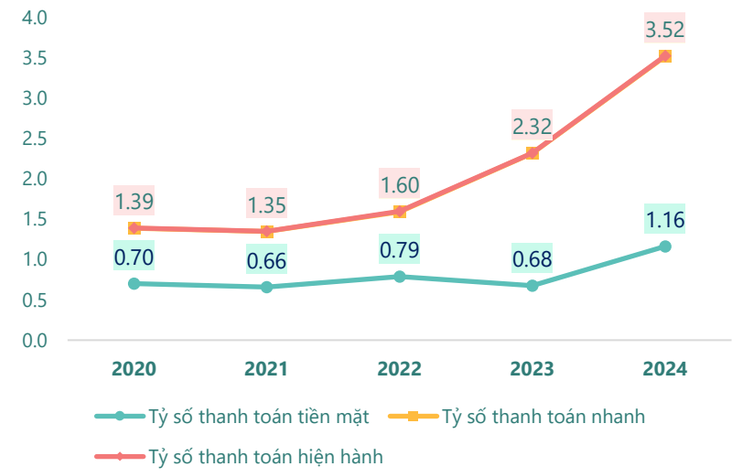
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



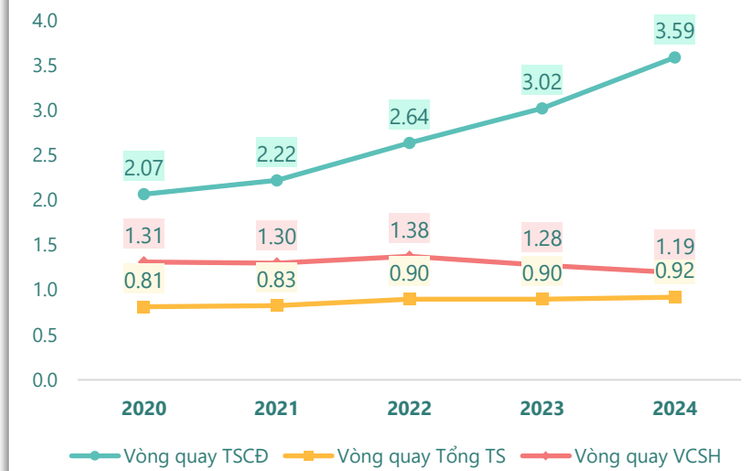
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



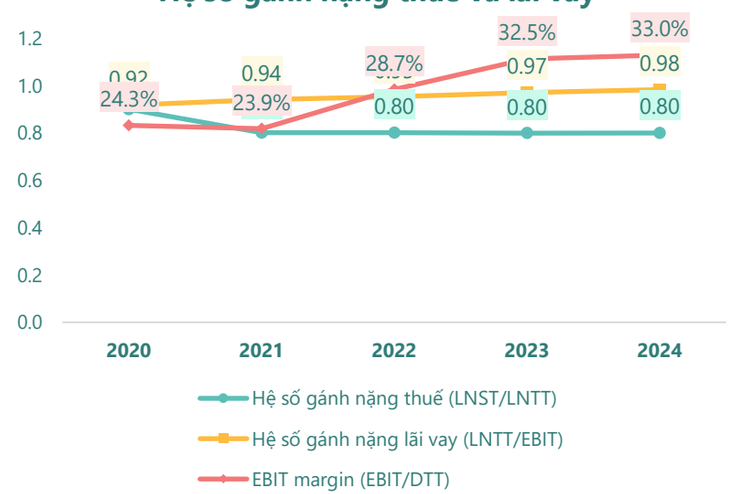
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



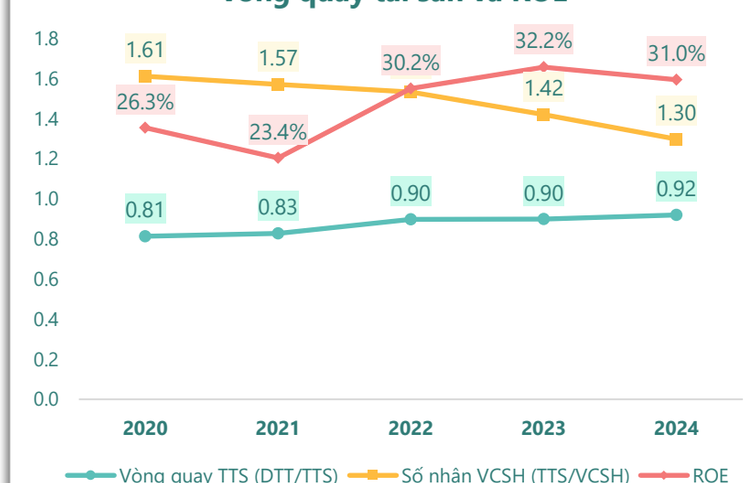
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



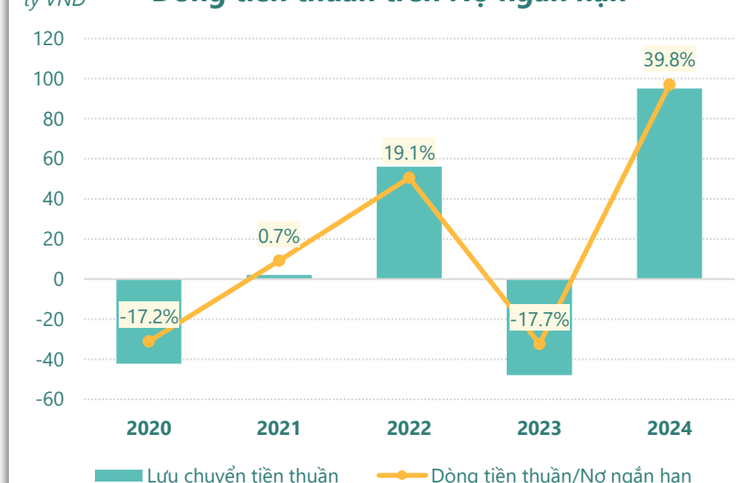
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**369**	**335**	**10.2%**	**1,337**	**1,167**	**14.6%**
Giá vốn hàng bán	241	213	13.3%	839	738	13.6%
Lợi nhuận gộp	128	122	4.9%	499	429	16.3%
Doanh thu HĐTC	10.2	9.55	7.3%	25.2	25.8	-2.4%
Chi phí TC	1.86	2.49	-25.1%	7.08	10.9	-34.9%
Chi phí lãi vay	1.85	2.49	-25.9%	7.04	10.9	-35.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.39	8.00	-7.7%	22.3	21.2	4.9%
Chi phí QLDN	**18.4**	**16.2**	**13.8%**	**61.2**	**53.3**	**14.7%**
LN thuần từ HĐKD	111	104	6.3%	433	369	17.3%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.07**	**16.1%**	**0.43**	**-0.91**	**147%**
LN trước thuế	111	105	5.4%	434	368	17.7%
Lợi nhuận sau thuế	**86.9**	**80.5**	**8.0%**	**347**	**295**	**17.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**86.9**	**80.5**	**8.0%**	**347**	**295**	**17.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	104	7.11	79.9	93.4	148	60.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-129	-0.45	-38.4	-43.9	-3.24	-48.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.5	-21.7	-40.1	22.5	-83.7	-51.0
Tiền đầu kỳ	257	198	183	184	256	317
Lưu chuyển tiền thuần	**-59.4**	**-15.0**	**1.39**	**72.0**	**61.3**	**-39.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.05	0	0	0	0.17
Tiền cuối kỳ	198	183	184	256	317	278

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,549**	**1,359**	**13.9%**
Tài sản ngắn hạn	843	628	34.3%
Tiền và tương đương tiền	278	183	52.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	413	290	42.3%
Phải thu ngắn hạn	150	151	-0.3%
Hàng tồn kho	1.74	0.81	115%
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	3.77	-88.7%
Tài sản dài hạn	**706**	**731**	**-3.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	356	389	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	234	234	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	62.6	13.4%
Tài sản dài hạn khác	**44.3**	**45.6**	**-2.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	309	359	-13.9%
Nợ ngắn hạn	**239**	**271**	**-11.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.5	67.2	-65.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	91.1	80.7	13.0%
Nợ dài hạn	69.8	88.2	-20.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	45.2	68.7	-34.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,240**	**1,000**	**23.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,240**	**1,000**	**23.9%**
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)